

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH SỰ PHẠM CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC

FACTORS INFLUENCING THE MANAGEMENT OF PRACTICAL TEACHING ACTIVITIES FOR EARLY CHILDHOOD EDUCATION STUDENTS ACCORDING TO THE CAPACITY APPROACH

PHẠM THỊ YẾN, *phamyenqb@gmail.com*

Trường Đại học Quảng Bình

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 05/6/2024 Ngày nhận lại: 17/6/2024 Duyệt đăng: 20/6/2024 Mã số: TCKH-S02T6-2024-B04 ISSN: 2354 - 0788</p> <p>Từ khóa: <i>thực hành, hoạt động thực hành, năng lực, tiếp cận năng lực.</i></p> <p>Keywords: <i>approach; capacity, practical teaching; teacher training program.</i></p>	<p><i>Thực hành sự phạm là một trong những nội dung cốt lõi của chương trình đào tạo ngành sư phạm nói chung và ngành Giáo dục mầm non nói riêng. Quản lý tốt thực hành sự phạm của sinh viên ngành Giáo dục mầm non theo tiếp cận năng lực là cơ sở cần thiết để rèn luyện, phát triển năng lực nghề nghiệp của sinh viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và xu thế hội nhập quốc tế. Kết quả nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến hiệu quả quản lý hoạt động thực hành sự phạm của sinh viên ngành Giáo dục mầm non theo tiếp cận năng lực.</i></p> <p>ABSTRACT <i>Practical teaching is one of the core components of teacher training programs, including those for early childhood education. Effective management of practical teaching activities for early childhood education students according to the capacity approach is essential for cultivating and developing their professional skills to meet the demands of educational innovation and international integration trends. These research results identify the influential factors and the degree of each factor's impact on the effectiveness of managing practical teaching activities for early childhood education students based on the competency approach..</i></p>

1. Mở đầu

Năng lực nghề nghiệp là một trong những hành trang quan trọng giúp sinh viên (SV) có cơ hội được tuyển dụng và hoàn thành công việc

theo chuyên môn được đào tạo sau khi ra trường. Đặc biệt, sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang đặt ra cho người học và các cơ sở đào tạo những thách thức mới. Trong xu hướng

đổi mới giáo dục và đào tạo hiện nay, việc chú trọng tổ chức và quản lý (QL) hoạt động thực hành sư phạm (THSP) của SV ngành Giáo dục mầm non (GDMN) theo tiếp cận năng lực (NL) là vấn đề được các trường sư phạm thực sự quan tâm. Bởi, tổ chức và QL tốt hoạt động THSP là cơ sở quan trọng để bổ sung, củng cố, khắc sâu và mở rộng những tri thức chuyên môn, nghiệp vụ đã được học trong trường sư phạm. Đồng thời, hình thành và trau dồi những kỹ năng sư phạm cho SV, là cơ sở để họ thực hiện tốt các nhiệm vụ, thích ứng nhanh trong môi trường công tác sau này. Tuy nhiên, tổ chức và quản lý hoạt động THSP của SV ngành GDMN theo tiếp cận NL chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan khác nhau. Kết quả nghiên cứu giúp xác định các yếu tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến hiệu quả QL hoạt động THSP của SV ngành GDMN theo tiếp cận NL.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1 Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động thực hành sư phạm của sinh viên ngành giáo dục mầm non theo tiếp cận năng lực

2.1.1. Các yếu tố khách quan

Yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo theo định hướng phát triển năng lực: Văn kiện Đại hội XIII của Đảng về GD&ĐT đã chỉ rõ “Chú trọng giáo dục phẩm chất, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” (Quốc hội, 2019). Để thực hiện được mục tiêu này cần chuyển mạnh giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. “Hoạt động giáo dục được thực hiện theo nguyên lý học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội” (Thủ tướng Chính phủ, 2018). Đây là yếu tố tác động trực tiếp, mạnh mẽ và toàn diện đến công tác QL giáo dục nói chung và QL hoạt động THSP của SV ngành GDMN theo tiếp cận NL nói riêng. Vấn đề này, đòi hỏi các chủ thể QL, các trường sư phạm cần đổi mới nội dung và

phương pháp GD theo hướng tăng cường cả tri thức, kỹ năng và phẩm chất của người học. Về nội dung, cần không ngừng đổi mới chương trình đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, kết hợp giữa lý thuyết và ứng dụng, thực hành; phải xác định được NL đầu ra của từng môn học, từng kì học, từng năm học và cả khoá học. Về phương pháp, cần tăng cường các phương pháp giảng dạy tích cực, kết hợp với phương tiện hiện đại nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, tăng cường tính tích cực, chủ động của người học; Dạy người học biết cách tự học, tự nghiên cứu; Tăng cường tính sáng tạo, tinh thần say mê, hứng thú của người học. Về QL quá trình ĐT, cần chuyển đổi mạnh mẽ theo những mô hình QL đào tạo hiện đại trên thế giới. Đây vừa đặt ra yêu cầu khách quan, vừa đòi hỏi các chủ thể QL và tổ chức hoạt động THSP cho SV ngành GDMN theo tiếp cận NL phải thường xuyên bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện GD và ĐT của Đảng, các thành tựu khoa học GD, xu hướng GD hiện đại của thế giới để xác định nội dung QL phù hợp và hiệu quả.

Xu hướng đổi mới giáo dục mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm: Định hướng phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2016 - 2025 là “Củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ em, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Đa dạng hóa các hình thức, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo hướng đạt chuẩn chất lượng giáo dục mầm non trong khu vực và quốc tế...” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Do vậy, cần tập trung xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm nhằm bảo đảm tất cả trẻ đều được tạo cơ hội học tập qua chơi và bằng nhiều cách khác nhau phù hợp với nhu cầu, hứng thú và khả năng của trẻ. Từ đó, tạo ra 3 chuyển biến căn bản đối với giáo dục mầm non: 1) Xây dựng môi trường giáo dục học mà chơi; 2) Tạo sự chuyển biến trong năng lực của giáo viên và CBQL trong đổi mới giáo

dục và chăm sóc trẻ; 3) Tạo sự chuyển biến trong sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc tổ chức hoạt động giáo dục, chăm sóc trẻ em mầm non. Để thực hiện được nhiệm vụ này, người giáo viên mầm non cần có kiến thức chung và kiến thức nghề nghiệp sâu, rộng, có trí thông minh đa dạng, có kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ, có thói quen và kỹ năng học tập thường xuyên, nghiên cứu khoa học và công tác xã hội trong lĩnh vực GDMN vào thời buổi kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, trước xu thế hội nhập, người giáo viên mầm non phải đáp ứng được những tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Cho nên, “Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục mầm non; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý ở các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục mầm non góp phần thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo” (Thái Văn Thành, Phạm Xuân Phồn, 2017) là mục tiêu quan trọng mà các cơ sở đào tạo đang cần phải hướng đến.

Các văn bản, quy chế, quy định về hoạt động thực hành trong đào tạo hệ sư phạm: Các văn bản, quy chế, quy định trong QL và tổ chức hoạt động thực hành, thực tập sư phạm áp dụng cho các trường đại học, cao đẳng đào tạo giáo viên là những căn cứ, công cụ định hướng, chi phối trực tiếp đến quy trình, cách thức tổ chức, các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động THSP của SV ngành GDMN theo tiếp cận NL và công tác QL của các đơn vị liên quan nhằm đạt được mục tiêu của hoạt động này. Tuy nhiên, các văn bản quy chế, quy định về hoạt động thực hành, thực tập sư phạm trong đào tạo ngành GDMN ở các trường chưa thống nhất và chưa có điểm chung. Điều này đã gây khó khăn và ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình QL hoạt động

THSP của SV ngành GDMN theo tiếp cận NL.

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non theo tiếp cận năng lực: Chương trình đào tạo ngành GDMN là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động THSP của SV theo tiếp cận NL. Vì vậy, muốn nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động THSP của SV ngành GDMN theo tiếp cận NL, các cơ sở đào tạo phải căn cứ vào mục tiêu định hướng phát triển NL, các quy định, hướng dẫn, điều kiện cụ thể của từng đơn vị để xây dựng, phát triển chương trình đào tạo phù hợp. Nội dung chương trình đào tạo phải theo hướng mềm hoá, đảm bảo trang bị cho SV hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện NL để SV vững vàng, tự tin tham gia các hoạt động THSP và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các đơn vị sử dụng lao động.

Các điều kiện phục vụ cho hoạt động thực hành: Kinh phí đào tạo là một trong những điều kiện thiết yếu để tiến hành hoạt động THSP của SV và chỉ được phát huy tác dụng khi được QL hiệu quả, phù hợp với mục đích, nội dung và phương pháp tổ chức THSP. Trong thực tế, có những lúc, sự thiếu thốn về điều kiện cơ sở thực hành, sự eo hẹp về nguồn kinh phí lại trở thành nguyên nhân chính dẫn tới những hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức hoạt động THSP hoặc làm cho quá trình QL hoạt động THSP không có hiệu quả. Mặt khác, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học là nhân tố tác động không nhỏ đến hiệu quả công tác QL đào tạo, là cầu nối để GV, SV cùng hành động tương hợp với nhau chiếm lĩnh được nội dung đào tạo, thực hiện mục tiêu đào tạo, sử dụng phương pháp đào tạo. Vì vậy, cơ sở đào tạo cần đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại phù hợp với những yêu cầu của hoạt động THSP theo tiếp cận NL; Sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị dạy học thường xuyên và định kì; Cung cấp đầy đủ tài liệu học tập, giáo trình, sách tham khảo phục vụ cho giảng dạy và học tập... Môi trường văn hóa

chất lượng trong nhà trường cũng là một trong những yếu tố tác động không nhỏ đến chất lượng đào tạo nói chung và chất lượng hoạt động THSP của SV nói riêng. Vì vậy, để tạo ra môi trường văn hóa chất lượng trong cơ sở đào tạo, bên cạnh việc nâng cao chất lượng chuyên môn, việc tạo ra môi trường học tập tích cực, thân thiện tiến đến mục tiêu “Trường học hạnh phúc - Thầy cô hạnh phúc - Học sinh hạnh phúc” không chỉ là đích đến mà còn là khát vọng của toàn xã hội. Xây dựng văn hóa chất lượng trong nhà trường là một trong những điều kiện quan trọng phản ánh quá trình tạo lập, duy trì và lan tỏa các giá trị cốt lõi của mỗi cơ sở đào tạo, hướng tới trường học thân thiện, đem đến sự hài lòng, thỏa mãn và đáp ứng tốt nhu cầu, quyền được học tập, giáo dục, rèn luyện một cách toàn diện về thể chất, tinh thần và trí tuệ cho người học.

2.1.2. Các yếu tố chủ quan

Nhận thức và năng lực quản lý hoạt động thực hành của đội ngũ cán bộ quản lý:

Cán bộ quản lý cần nhận thức rằng họ có vai trò ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của công tác QL hoạt động THSP, họ là những người góp phần chủ yếu quyết định đến hiệu quả và sự phát triển bền vững của đơn vị, tập thể. Vì vậy, họ không chỉ là những người am hiểu về chuyên môn, nghiệp vụ mà các CBQL cần có kiến thức và NL quản lý, phải biết tổ chức thực hiện tốt mục tiêu, chương trình đào tạo, biết tiếp thu và vận dụng sáng tạo cái mới vào công tác QL đào tạo có NL xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá hoạt động THSP, đặc biệt có các giải pháp tác động tích cực để giúp SV thực hành phát huy tối đa ưu điểm, khắc phục khuyết điểm trong quá trình THSP.

Nhận thức và năng lực tổ chức hoạt động thực hành sư phạm của đội ngũ giảng viên: Để tổ chức tốt hoạt động THSP, GV không chỉ có kiến thức khoa học về chuyên môn mà còn cần phải có kiến thức và kỹ năng sư phạm để thực hiện tốt hình thức giảng dạy thì mới có thể nâng cao hiệu quả hoạt động giảng dạy. Trong bối

cảnh đổi mới GD hiện nay, đội ngũ giảng viên phải năng động, tìm tòi, đổi mới, sáng tạo, trình độ chuyên môn, có phương pháp giảng dạy tích cực, thích ứng tốt với nhiệm vụ trong thời đại mới. Đồng thời, phải nhận thức đúng vị trí, vai trò của hoạt động THSP để nghiên cứu, học tập, tích lũy kinh nghiệm về các xu hướng, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, chi đạo, điều hành, QL hoạt động THSP của SV ngành GDMN theo tiếp cận NL.

Nhận thức và năng lực tổ chức hoạt động thực hành sư phạm của cán bộ quản lý và giáo viên hướng dẫn ở cơ sở thực hành: Đối với đội ngũ CBQL và giáo viên ở cơ sở thực hành, họ vừa là người hướng dẫn trực tiếp, giúp đỡ sinh viên THSP, vừa tham gia kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động THSP của SV. Cho nên, các trường sư phạm cần phải thống nhất quan điểm, phối hợp nâng cao trình độ, kinh nghiệm tổ chức hoạt động THSP theo tiếp cận NL của họ nhằm đạt chất lượng, hiệu quả của hoạt động THSP theo mục tiêu đã đề ra.

Động cơ, ý thức, tính tích cực học tập, rèn luyện của sinh viên: Động cơ, ý thức học tập là một phẩm chất đặc biệt quan trọng trong nhân cách SV. Nó quyết định mục đích và thúc đẩy hoạt động học tập và rèn luyện của SV nhằm chiếm lĩnh mục tiêu, yêu cầu đào tạo, sẵn sàng bước vào nghề nghiệp đã xác định. Bởi, động cơ học tập của SV là “sức mạnh tinh thần” nảy sinh từ nhu cầu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập và rèn luyện, nó thôi thúc tính tích cực hoạt động của SV trong quá trình học tập và nghiên cứu. Động cơ học tập của SV có tác động đến việc hình thành những mục đích học tập, từ đó ảnh hưởng đến những hành động học tập tương ứng. Động cơ học tập cũng gián tiếp chi phối việc lựa chọn phương tiện cũng như thao tác học tập để đạt kết quả. Như vậy, động cơ là yếu tố thường xuyên thúc đẩy, kích thích tính tích cực trong hoạt động học tập của SV nhằm lĩnh hội tri thức, hình thành tay nghề chuyên môn và thể hiện quan hệ, thái độ của mình đối với xã hội, con người và chính bản thân.

Sự kết hợp giữa cơ sở đào tạo với các cơ sở thực hành: Cơ sở thực hành được coi là “Giảng đường thứ hai” của sinh viên các trường sư phạm. Ở đây, SV có cơ hội để hình thành và rèn luyện kỹ năng, phương pháp giáo dục, phương pháp dạy học, phát triển NL nghề nghiệp. Đồng thời, thông qua các hoạt động của cơ sở thực hành, SV có thể “Tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục của nhà trường; tìm hiểu và thực hành các khâu chuẩn bị dạy học, các hoạt động giáo dục, dạy học của giáo viên mầm non; tập dượt một số giờ thực hành” (Thủ tướng Chính phủ, 2019). Do vậy, mối liên hệ gắn kết giữa cơ sở thực hành nơi tuyển dụng giáo viên và cơ sở đào tạo chính là điều quan trọng ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng NL nghề nghiệp của SV. Trong mối quan hệ này, cơ sở đào tạo có trách nhiệm bố trí đội ngũ GV có chuyên môn, NL sư phạm tốt, để thực hiện tốt chức năng QL, hướng dẫn cho SV, phối hợp với các đồng nghiệp tại cơ sở thực hành. Đồng thời, cơ sở thực hành cũng có trách nhiệm lựa chọn các giáo viên giàu kinh nghiệm, có năng lực để phối hợp thực hiện với GV trong tư vấn và đánh giá các hoạt động thực hành của SV thực hiện tại cơ sở thực hành. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính, hành chính trên cơ sở đồng thuận với cơ sở thực hành theo các qui định hiện hành. Như vậy, tổ

chức tốt mối quan hệ phối hợp giữa cơ sở đào tạo và cơ sở thực hành sẽ góp phần nâng cao chất lượng hoạt động THSP của SV ngành GDMN theo tiếp cận NL, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

2.2. Tổ chức khảo sát ảnh hưởng của các yếu tố đến hiệu quả quản lý hoạt động thực hành sư phạm của sinh viên ngành Giáo dục mầm non theo tiếp cận năng lực

2.2.1. Cơ cấu mẫu và phương pháp khảo sát

Khảo sát được tiến hành với sự tham gia của 130 CBQL, GV ở cơ sở đào tạo; 145 CBQL, GVHD ở cơ sở thực hành, đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hiệu quả QL hoạt động THSP của SV ngành GDMN theo tiếp cận NL tại 05 trường đại học, cụ thể: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế, Trường Sư phạm - Đại học Vinh, Trường Đại học Hà Tĩnh, Trường Đại học Quảng Bình.

Phương pháp và công cụ khảo sát được sử dụng thông qua cuộc khảo sát bằng Anket. Kết quả khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS và đánh giá dựa theo 4 mức độ tương ứng với các điểm 1, 2, 3, 4 (Rất ảnh hưởng, ảnh hưởng, bình thường, không ảnh hưởng). Mỗi mức có một giá trị trung bình nhất định (Mức độ 1: $1 \leq X \leq 1.74$; Mức độ 2: $1.75 \leq X \leq 2.49$; Mức độ 3: $2.50 \leq X \leq 3.24$; Mức độ 4: $X \leq 3.25$).

2.2.2. Kết quả khảo sát.

Bảng 1. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hiệu quả QL hoạt động THSP của SV ngành GDMN theo tiếp cận NL

Nội dung	CBQL, GV ở cơ sở đào tạo			CBQL, GV ở cơ sở thực hành			r
	\bar{X}	S	MĐ	\bar{X}	S	MĐ	
	Yếu tố khách quan						
1. Yêu cầu đổi mới GD, ĐT theo tiếp cận NL	3.24	0.52	4	3.20	0.56	4	0.22
2. Xu hướng đổi mới GDMN theo hướng lấy trẻ làm trung tâm	2.71	0.53	3	2.68	0.58	3	-0.01
3. Các văn bản, quy chế, quy định về hoạt động THSP trong đào tạo hệ sư phạm	2.72	0.54	3	2.72	0.78	3	-0.07
4. Chương trình đào tạo theo tiếp cận NL	3.27	0.60	4	3.23	0.68	4	0.37
5. Các điều kiện phục vụ cho hoạt động TH	2.77	0.55	3	2.79	0.73	3	0.04

Nội dung	CBQL, GV ở cơ sở đào tạo			CBQL, GV ở cơ sở thực hành			r
	\bar{X}	S	MD	\bar{X}	S	MD	
	Yếu tố chủ quan						
6. Nhận thức và năng lực quản lý hoạt động TH của đội ngũ CBQL	3.25	0.44	4	3.21	0.65	4	0.91
7. Nhận thức và năng lực tổ chức hoạt động THSP của đội ngũ giảng viên	3.28	0.45	4	3.25	0.69	4	0.13
8. Nhận thức và năng lực tổ chức hoạt động TH của CBQL và giáo viên các trường MN	2.81	0.56	3	2.83	0.68	3	0.32
9. Động cơ, ý thức, tính tích cực học tập, rèn luyện của SV	3.24	0.43	4	3.21	0.62	4	0.48
10. Sự kết hợp giữa CSĐT ngành GDMN với các trường MN	2.85	0.54	3	2.83	0.69	3	0.75

Kết quả khảo sát cho thấy: Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hiệu quả QL hoạt động THSP của SV ngành GDMN theo tiếp cận NL đã được các nhóm khách thể đánh giá tương đối đồng đều, điểm trung bình dao động từ $2.68 \leq \bar{X} \leq 3.28$. Sự chênh lệch về điểm trung bình trên từng nội dung chỉ dao động ở mức 0.02 đến 0.04.

Thứ nhất: Về các yếu tố khách quan

Yếu tố “Chương trình đào tạo theo tiếp cận năng lực”, “Yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo theo tiếp cận năng lực” ở mức rất ảnh hưởng, với điểm trung bình trong khoảng $3.20 \leq \bar{X} \leq 3.27$ (Mức độ 4). Lý giải về vấn đề này, một số CBQL và GV cho rằng: Toàn cầu hóa là xu hướng vận động tất yếu của lịch sử buộc các quốc gia muốn phát triển phải hòa mình vào dòng chảy chung của thời đại trên mọi lĩnh vực. Vì vậy đòi hỏi nền GD quốc gia cũng phải nhanh chóng hội nhập, bắt kịp xu hướng GD của khu vực và thế giới nhằm ĐT được nguồn nhân lực có đầy đủ phẩm chất, trình độ, kỹ năng của một công dân toàn cầu để tiến vào thị trường lao động quốc tế. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nghị quyết TW8 về đổi mới căn bản và toàn diện GD - ĐT là “Đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả GD-ĐT; Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý...”. Trong đó, việc đổi mới dạy và học theo hướng phát triển phẩm chất, NL người học được chú trọng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Do đó, xây dựng, thiết kế

chương trình đào tạo theo tiếp cận NL người học là một xu thế tất yếu của nền giáo dục hiện đại, là chiến lược có ý nghĩa tiền đề trọng yếu cho quá trình đảm bảo chất lượng ĐT theo hướng liên thông với nền GD đại học quốc tế tiên tiến, hội nhập toàn cầu. Nó giúp người học có khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn ngay khi rời ghế nhà trường. Nói cách khác, ĐT phù hợp với nhu cầu xã hội. Yếu tố này ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả QL hoạt động THSP của SV ngành GDMN theo tiếp cận NL.

Các yếu tố “Các văn bản, quy chế, quy định về hoạt động thực hành sư phạm trong đào tạo hệ sư phạm”, “Các điều kiện phục vụ cho hoạt động thực hành” đều có ảnh hưởng đến công tác QL hoạt động THSP của SV và được đánh giá ở ảnh hưởng (Mức độ 3), với điểm trung bình dao động trong khoảng $2.68 \leq \bar{X} \leq 2.85$. Hiện nay các cơ sở đào tạo đang chuyển từ ĐT tiếp cận nội dung sang ĐT theo tiếp cận NL. Vì vậy, sự quan tâm đến việc quy định, hướng dẫn về tổ chức hoạt động THSP trong trường đại học đã thu hút được sự quan tâm hơn từ phía lãnh đạo nhà trường. Điều đó thực sự rất cần thiết và hỗ trợ cho CBQL, GV và SV thực hiện hoạt động THSP một cách đúng đắn và chính xác hơn. Mặt khác, trước bối cảnh đổi mới GD hiện nay, các cơ sở đào tạo đã thực sự quan tâm đến điều kiện phục vụ cho hoạt động THSP của SV. Tuy nhiên, cũng có một số ý kiến cho rằng, việc đầu tư đó

chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đặc thù trong trường đại học. Các đối tượng khảo sát cũng cho rằng, các điều kiện phục vụ cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng của hoạt động THSP của SV.

Yếu tố “Xu hướng đổi mới giáo dục mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm” được các đối tượng khảo sát đánh giá ở mức độ ảnh hưởng, với điểm trung bình lần lượt là $\bar{X}= 2.68$ và $\bar{X}= 2.71$ (Mức độ 3). Định hướng phát triển GDMN giai đoạn 2016 - 2025: Phát triển mạng lưới mầm non theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; Nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, GD trẻ hướng tới đạt chuẩn; Xây dựng môi trường GD lấy trẻ làm trung tâm... Điều này đòi hỏi, các cơ sở đào tạo cần nâng cao chất lượng ĐT, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và CBQL cơ sở GDMN nhằm bảo đảm chuẩn hóa về NL chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDMN.

Thứ hai: Về các yếu tố chủ quan

Các yếu tố “Nhận thức và năng lực quản lý hoạt động thực hành của đội ngũ cán bộ quản lý”, “Nhận thức và năng lực tổ chức hoạt động thực hành sư phạm của đội ngũ giảng viên” được các đối tượng khảo sát đánh giá mức độ rất ảnh hưởng, với điểm trung bình dao động trong khoảng $3.21 \leq \bar{X} \leq 3.28$ (Mức độ 4). Điều này cho thấy: trình độ nhận thức, NL quản lý của CBQL và trình độ nhận thức, NL tổ chức hoạt động TH của GV có ảnh hưởng rất lớn trong hoạt động TH. Phát huy NL thể mạnh của GV trong giảng dạy, CBQL trong QL các hoạt động ĐT sẽ tạo điều kiện nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Các lý do trên tác động không nhỏ đến chất lượng, hiệu quả hoạt động THSP của SV ngành GDMN theo tiếp cận NL.

Yếu tố “Động cơ, ý thức, tính tích cực học tập, rèn luyện của sinh viên” được các đối tượng khảo sát đều đánh giá ở mức độ rất ảnh hưởng (Mức độ 4), với điểm trung bình lần lượt là $\bar{X} = 3.21$ và $\bar{X} = 3.24$. Lý giải về điều này, các đối tượng khảo sát cho rằng: Động cơ là nguồn động

viên nội tại giúp SV chủ động tìm hiểu và học tập. Nếu SV có động cơ mạnh mẽ, họ sẽ dễ dàng hòa nhập vào quá trình học tập và thể hiện sự quyết tâm học hỏi. Ý thức, tính tích cực học tập và rèn luyện là những yếu tố quan trọng giúp SV phát triển bản thân và đạt được thành công trong học tập và cuộc sống. Vì vậy, đây là yếu tố có tác động mạnh mẽ đến kết quả hoạt động THSP của SV.

Yếu tố “Nhận thức và năng lực tổ chức hoạt động thực hành của cán bộ quản lý và giáo viên các trường mầm non” và “Sự kết hợp giữa cơ sở đào tạo ngành Giáo dục mầm non với các trường mầm non” được đánh giá ở mức độ ảnh hưởng (mức độ 3), với điểm trung bình trong khoảng $2.81 \leq \bar{X} \leq 2.85$. Các CBQL, GV cho rằng: Sự kết hợp giữa cơ sở đào tạo và các cơ sở thực hành trong quá trình ĐT có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ học tập toàn diện, tạo cơ hội TH, tạo môi trường học tập tương tác, tích hợp kiến thức và kỹ năng, nâng cao khả năng giải quyết vấn đề, tạo cơ hội tiếp xúc với thực tế ngành nghề. Mặt khác, nhận thức và NL tổ chức hoạt động TH của CBQL và giáo viên các cơ sở thực hành là yếu tố quan trọng tác động đến hiệu quả quá trình thực hiện các nhiệm vụ TH của SV. Họ là người hỗ trợ, hướng dẫn chuyên môn, kỹ năng thực tế, hỗ trợ trong quá trình học tập, đánh giá hiệu suất, khuyến khích sáng tạo và xây dựng kỹ năng xã hội cho SV trong quá trình học tập TH tại trường mầm non.

Khi phân tích tương quan giữa QL hoạt động THSP với các yếu tố chủ quan và khách quan tác động đến hoạt động THSP của SV, chúng tôi nhận thấy:

Kết quả khảo sát phản ánh mối tương quan thuận gắn bó chặt chẽ giữa QL hoạt động THSP của SV và các yếu tố chủ quan với hệ số tương quan r lần lượt là 0.91, 0.13, 0.32, 0.48, 0.75, với $p < 0.05$. Điều này có nghĩa là để quá trình QL hoạt động THSP của SV đạt được chất lượng hiệu quả thì các nhà QL cần phải chú ý đến các yếu tố trên.

Kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy, so với tương quan giữa QL hoạt động THSP của SV

với các yếu tố chủ quan thì tương quan giữa QL hoạt động THSP của SV với các yếu tố khách quan kém chặt chẽ hơn.

Trong các mối tương quan đó, chúng tôi nhận thấy QL hoạt động TH của SV có tương quan thuận có ý nghĩa thống kê với “Yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo theo tiếp cận năng lực” và “Chương trình đào tạo theo tiếp cận năng lực”, với hệ số tương quan r lần lượt là 0.22, 0.37, với $p < 0.05$. Điều đó có nghĩa, những yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo theo tiếp cận NL và phát triển chương trình đào tạo theo tiếp cận NL có ảnh hưởng đến mạnh mẽ chất lượng hoạt động THSP của SV.

Quản lý hoạt động THSP của SV có tương quan nghịch không có ý nghĩa thống kê với các yếu tố “Yêu cầu đổi mới trong giáo dục mầm non hiện nay”, “Các văn bản, quy chế, quy định về hoạt động thực hành sư phạm trong đào tạo hệ sư phạm” và “Kinh phí đào tạo, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học phục vụ cho hoạt động thực hành”, hệ số tương quan r lần lượt là 0.010, 0.037, 0.049 với $p > 0.05$.

Để nghiên cứu thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến QL hoạt động THSP của SV theo tiếp cận NL, chúng tôi đã sử dụng phép hồi quy tuyến tính bội (phương pháp Stepwise) với sự tham gia của các biến.

Bảng 2. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics
	B	Std.Error	Beta			Tolerance
	4.401	.216		20.375	.000	
Yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo theo định hướng phát triển năng lực	-0.07	.146	0.106	-.046	0.000	.163
Yêu cầu đổi mới GDMN	-0.41	.070	-0.339	-5.872	0.067	.819
Các văn bản, quy chế, quy định về hoạt động thực hành nghề trong đào tạo hệ sư phạm	-0.36	.110	-0.339	-5.923	0.097	.298
Chương trình đào tạo theo tiếp cận năng lực	-0.18	.164	0.156	-1.101	0.000	.137
Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học phục vụ cho hoạt động thực hành	-0.31	.189	-0.248	3.055	0.082	.097

Dependent Variable: Các yếu tố khách quan

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics
	B	Std.Error	Beta			Tolerance
(Constant)	4.202	.178		23.599	.000	
Nhận thức và năng lực quản lý hoạt động TH của đội ngũ CBQL	0.23	.146	0.413	-.046	0.000	-6.663
Nhận thức và năng lực tổ chức hoạt động THSP của đội ngũ giảng viên	0.11	.070	0.385	-5.872	0.431	.268
Nhận thức và năng lực tổ chức hoạt động TH của CBQL và giáo viên các trường MN	0.09	.110	0.088	-5.923	0.355	.164
Động cơ, ý thức, tính tích cực học tập, rèn luyện của SV	0.31	.164	0.235	-1.101	0.002	.679
Quan hệ phối hợp giữa CSĐT và CSTH	0.07	.189	0.166	3.055	0.000	.097

Dependent Variable: Các yếu tố chủ quan

Số liệu ở bảng đã chỉ ra rằng các yếu tố chủ quan độc lập như: “Nhận thức và năng lực quản lý hoạt động thực hành sư phạm của đội ngũ cán

bộ quản lý”, “Nhận thức và năng lực tổ chức hoạt động thực hành sư phạm của đội ngũ giảng viên”, “Quan hệ, phối hợp giữa cơ sở đào tạo với cơ sở

thực hành”, “Động cơ, ý thức, tính tích cực học tập, rèn luyện của sinh viên” đều tác động đến hoạt động THSP theo tiếp cận NL của SV, với mức độ biến thiên lần lượt là 41.3%, 38.5%, 23.5% và 16.6%. Trong đó, “Nhận thức và năng lực quản lý hoạt động thực hành sư phạm của đội ngũ cán bộ quản lý” có mức độ dự báo cao nhất, yếu tố này giải thích được 41,3% mức độ biến thiên của QL hoạt động THSP của SV theo tiếp cận NL và $P < 0.05$. Yếu tố “Nhận thức và năng lực tổ chức hoạt động thực hành sư phạm của đội ngũ giảng viên” cũng tác động rất lớn đến chất lượng và hiệu quả của hoạt động THSP của SV ngành GDMN với mức độ biến thiên là 38,5%.

Trong những yếu tố khách quan độc lập tác động đến QL hoạt động THSP của SV theo tiếp cận NL “Chương trình đào tạo theo tiếp cận năng lực” cao nhất (15.6% và $P < 0.05$). Mức dự báo cao thứ hai thuộc về yếu tố “Yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo theo tiếp cận năng lực” (10.6% và $P < 0.05$).

Những số liệu thu được từ khảo sát thực tiễn bước đầu cho phép khẳng định rằng mỗi yếu

tố chủ quan, khách quan đều có tác động đến QL hoạt động THSP của SV theo tiếp cận NL và trong đó yếu tố có ý nghĩa hơn cả là “Chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên” và “Nhận thức và năng lực tổ chức hoạt động thực hành sư phạm của đội ngũ giảng viên”.

3. Kết luận

Kết quả đánh giá của CBQL và GV cho thấy, những yếu tố ảnh hưởng đến QL hoạt động THSP tác giả đề cập đều hoàn toàn phù hợp với thực tế hiện nay. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực đến hiệu quả QL hoạt động THSP của SV. Trong đó, “Chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên” và “Nhận thức và năng lực tổ chức hoạt động thực hành sư phạm của đội ngũ giảng viên” được đánh giá có tác động mạnh mẽ đến chất lượng hoạt động THSP của SV ngành GDMN theo tiếp cận NL. Vì vậy, nhà QL phải biết xem xét, đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố để có đề xuất những giải pháp phù hợp, không chỉ những yếu tố đưa ra khảo sát mà còn những yếu tố khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc khóa XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật. Hà Nội, tr.136.
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ban hành 14/6/2019*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2018). *Quyết định số 1677/QĐ-TTg phê duyệt đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2008 - 2025, ngày 03/12/ 2018*, Hà Nội.
- Thủ tướng Chính phủ. (2019). *Quyết định số 33/QĐ-TTg phê duyệt đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025, ngày 08 tháng 01 năm 2019*, Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ban hành ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*.
- Thái Văn Thành., Phan Xuân Phồn. (2017). “Xây dựng trường thực hành của trường đại học sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục”, *Tạp chí Giáo dục*, số 418 (kì 2 - 11/2021), tr.4-8.
- Phạm Thị Yến. (2023). *Quản lý hoạt động thực hành nghề của sinh viên đại học ngành Giáo dục mầm non theo tiếp cận năng lực*, Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Vinh.